

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ QUẢNG CÁO NEWGEN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ QUẢNG CÁO NEWGEN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEWGEN VIETNAM TRADING AND ADVERTISING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NEWGEN VIET NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0109439814

3. Ngày thành lập: 02/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 64T ngõ 51 phố Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
2.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục, - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, - Dịch vụ kiểm tra giáo dục, - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. - Tư vấn du học	8560
3.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
4.	Đào tạo cao đẳng	8533

5.	Đào tạo trung cấp	8532
6.	Đào tạo sơ cấp	8531
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	8299
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230
9.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
10.	Điều hành tua du lịch	7912
11.	Đại lý du lịch	7911
12.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
13.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
14.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
15.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
16.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác không có người điều khiển	7710
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
18.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
19.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310(Chính)
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	7020
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản	6820
23.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
24.	Cổng thông tin (trừ các hoạt động báo chí)	6312

25.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ các hoạt động báo chí)	6311
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng. Lập trình các phần mềm nhúng.	6201
29.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết : Hoạt động của các điểm truy cập internet; Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu	6190
30.	Hoạt động hậu kỳ	5912
31.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
32.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm quán bar, vũ trường, karaoke)	5630
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
38.	Bốc xếp hàng hóa (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	5224
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
41.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; - Dịch vụ thương mại điện tử (trừ đấu giá tài sản)	4791
43.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
44.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

45.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...; (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem, tiền kim khí)	4773
46.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
47.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
48.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
49.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
51.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
52.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
53.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
54.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn Dược phẩm)	4649
58.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
59.	Bán buôn thực phẩm	4632
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá tài sản)	4543
61.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá tài sản)	4541

62.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá tài sản)	4530
63.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá tài sản)	4513
64.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
65.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá tài sản)	4511
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng nhà để ở	4101
69.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
70.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
71.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
72.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
73.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
74.	In ấn	1811
75.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
76.	Sản xuất giày, dép	1520
77.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
78.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
79.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
80.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
81.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
82.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
83.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
84.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
85.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
86.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông, + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự, + Các loại vải bằng đan móc khác; - Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan. - Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục).	1391
87.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
88.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Trừ đầu giá tài sản)	4610

89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
90.	Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	2630
91.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
92.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
93.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
94.	Giáo dục thể thao và giải trí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8551
95.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8552
96.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	6399

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HÀ	Căn 1626, HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	035180003287	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		
2	NGUYỄN THẮNG VIỆT	Tổ 14 cụm 2, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	2,500	013446154	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000	50.000.000	2,500		

3	VŨ TIẾN DŨNG	Tổ 33, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	2,500	001081001880
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000	50.000.000	2,500	
4	VŨ THANH THỦY	72 Ngõ 51 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	45,000	001187008324
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	45,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/10/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 035180003287

Ngày cấp: 11/10/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Căn 1626, HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn 1626, HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội